

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 827/2024/HC-PT

Ngày: 08-8-2024

*“V/v khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực thu hồi
đất, bồi thường, hỗ trợ, giải
phóng mặt bằng”.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

Ông Lê Văn An

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Cường – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Lê Công Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 389/2024/TLPT- HC ngày 20 tháng 4 năm 2024, về việc *“Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng”*; do Bản án hành chính sơ thẩm số 1087/2019/HC-ST ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2099/2024/QĐ-PT ngày 20 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: ông Lê Văn T và bà Lê Thị M. Cư trú tại: F đường số I, Phường D, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (ông T vắng mặt, bà M có mặt).

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân Quận D1, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: A Đ, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Võ Thanh D – Phó Chủ tịch (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông Nguyễn Ngọc T1 – Phó trưởng Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng và ông Mai Thành T2 – viên chức Tổ nghiệp vụ của Ban Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H. Địa chỉ: H L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận D1, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: A Đ, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Võ Thanh D – Phó Chủ tịch (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông Nguyễn Ngọc T1 – Phó trưởng Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng và ông Mai Thành T2 – viên chức Tổ nghiệp vụ của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng (có mặt).

3. Ban chỉ huy Quân sự Phường D, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: B T, Phường D, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

4. Ủy ban nhân dân Phường D1, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: D T, Phường D, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

5. Ông Lê Quang X, bà Trần Ngọc T3. Cư trú tại: F đường số I, Phường D, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận D1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các văn bản trình bày, bản tự khai, tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án thể hiện:

Ông Lê Văn T và bà Lê Thị M cùng công tác tại Ủy ban nhân dân Phường D1, Quận D. Năm 1987, ông T, bà M có làm đơn xin UBND Phường 4 cho vợ chồng ông san lấp ao bỏ hoang thành nền đất ngang 13m dài 15,5m; số còn lại làm ao nuôi cá và ông T có làm đơn xin cất nhà ở trên diện tích đất thì được Phòng X1 chấp nhận cho xây dựng 24m² nhà ở trên phần diện tích đất đã san lấp.

Năm 1993, em ông T là Lê Quang X lập gia đình không có chỗ ở nên ông T cho ông X khoảng 65m² trong phần đất ao hoang đã san lấp để cất nhà ở. Vợ chồng ông sử dụng ổn định khu đất với diện tích 170,6m² từ năm 1987 đến nay, cụ thể: có đăng ký hộ khẩu thường trú từ ngày 28/4/1987 đến nay, năm 1999 có đăng ký kê khai nhà đất; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế thổ trạch cho Nhà nước từ năm 1992 đến 2011; Có giấy xác nhận số 17/XN-UBND ngày 01/10/2010 của D1; Đăng ký kê khai sử dụng đất có tên trên bản đồ địa chính theo Công văn số 5265/VPĐK-KT do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/4/2012.

Trong thời gian sử dụng đất, gia đình ông không bị bất kỳ văn bản nào của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ngăn chặn hành vi lấn chiếm đất hoặc tái lấn chiếm đất của Ban chỉ huy quân sự Phường D, Quận D.

Ngày 29/3/1996, D1 lập biên bản tổ chức thực hiện Quyết định số 60/QĐ.UB ngày 17/10/1995 của D1, đến lúc này ông T mới biết có Quyết định số 60/QĐ.UB ngày 17/10/1995. Như vậy, từ năm 1987 đến 1996 và từ năm 1996

cho đến khi thực hiện dự án xây dựng trường mẫu giáo, gia đình ông vẫn tiếp tục sử dụng nhà, đất với sự đồng ý của D1. Ngoài ra, từ khi ban hành Quyết định này, D1 cũng chưa tổ chức thực hiện thu hồi và xem xét vấn đề bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng diện tích đất bị nêu trong quyết định thu hồi.

Quyết định số 60/QĐ.UB ngày 17/10/1995 có tiêu đề “Về việc quản lý phần đất thuộc mặt bằng số 266/53/3 T, Quận D” (viết tắt là Quyết định 60/QĐ.UB) nhưng tại phần căn cứ pháp luật không căn cứ vào quy định của pháp luật đất đai nào để ký ban hành là sai sót về mặt trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính, không đúng thẩm quyền, trái với quy định tại Điều 23, 28 Luật đất đai năm 1993.

Quyết định số 1174/QĐ-U ngày 17/9/2009 “Về việc thu hồi đất thuộc thửa số 34-tờ bản đồ số 8 và di chuyển căn nhà số F đường số I Phường D Quận D để thực hiện công trình di dời, tháo dỡ và thu hồi đất để xây dựng Trường M1, Quận D” của Ủy ban nhân dân Quận D1, Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là Quyết định số 1174/QĐ-UBND-TH ngày 17/9/2009): Trước khi ban hành D1 không thông báo cho người bị thu hồi đất được biết việc thu hồi đất và không có biên bản làm việc với người bị thu hồi đất. Vì thế, người bị thu hồi đất không được có ý kiến, đến khi khiếu nại việc bồi thường giải tỏa đối với việc thu hồi đất thì mới có ý kiến giải quyết là không thỏa đáng, trái với quy định tại Điều 52 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự thủ tục bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai (viết tắt là Nghị định số 84/2007/NĐ-CP của Chính phủ). D1 không ban giao quyết định này cho người bị thu hồi đất là trái với quy định tại khoản 3 Điều 53 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP của Chính phủ.

Quyết định số 3775/QĐ-UBND-MGP4 ngày 02/8/2011 “V/v duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi toàn bộ diện tích đất và di chuyển căn nhà số F đường số I, Phường D, Quận D (thuộc thửa đất số 34, tờ bản đồ số 08) của ông Lê Văn T trong Công trình di dời, tháo dỡ và thu hồi đất để xây dựng Trường M1, Quận D” của D1 (viết tắt là Quyết định số 3775/QĐ-UBND-MGP4 ngày 02/8/2011). Sau khi có quyết định thu hồi đất, Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng Quận D không lập bản kê khai, kiểm kê xác định diện tích đất, tài sản trên đất của gia đình ông để làm cơ sở ra Quyết định số 3775/QĐ-UBND-MGP4 ngày 02/8/2011 là trái quy định tại Điều 55 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP của Chính phủ. Vì D1 có hành vi trái pháp luật khi ban hành Quyết định số 60/QĐ.UB ngày 17/11/1995 và Quyết định số 1174/QĐ-U ngày 17/9/2009 nên việc ký Quyết định số 3775/QĐ-UBND-MGP4 ngày 02/8/2011 là không đúng.

Vì những căn cứ trên, đề nghị Tòa án buộc D1 không áp dụng Quyết định số 60/QĐ.UB ngày 17/10/1995 vào việc tính bồi thường nhà đất của ông T, bà M; Hủy quy định tại khoản 4 Điều 5 của Phương án đền bù số 90/PA-UBND ngày 01/10/2010 của Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng Quận D; Hủy Quyết định số 1174/QĐ-UBND-TH ngày 17/9/2009 và Quyết định số 3775/QĐ-UBND-MGP4 ngày 02/8/2011.

Yêu cầu D1 phải bồi thường 100% giá trị toàn bộ diện tích đất 170,6m² và bồi thường 100% giá trị các tài sản gắn liền với đất bị thu hồi của ông T, bà M tại thửa 34, tờ bản đồ số 8, địa chỉ F đường số I, Phường D, Quận D.

Người bị kiện: đại diện Ủy ban nhân dân Quận D1 vắng mặt trong quá trình tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm nhưng theo tài liệu, chứng cứ đã thu thập và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân Quận D1 là ông Nguyễn Ngọc TI trình bày:

Trường hợp hộ ông T - bà M, cư ngụ tại căn nhà số F đường số I, Phường D, Quận D (số cũ 266/53/3 đường T, Phường D, Quận D) thuộc dự án Công trình di dời tháo dỡ và thu hồi đất để xây dựng Trường M1 do Ban Q1 làm chủ đầu tư.

Ngày 17/9/2009, D1 ban hành Quyết định số 1174/QĐ-U (Quyết định này thay thế Quyết định số 916/QĐ-U ngày 13/7/2009) về việc thu hồi phần đất 170,60 m², thuộc thửa 34 tờ bản đồ số 8 của ông T, bà M.

Ngày 02/8/2011, D1 ban hành Quyết định số 3775/QĐ-UBND-MGP4 về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông T với tổng số tiền là 1.275.057.000 đồng (kèm theo Bảng chiết tính ngày 27 tháng 6 năm 2011), cụ thể:

- Đất ở: 127,47 m² không bồi thường, hỗ trợ.
- Đất ở: 43,13 m² x 25.857.000đồng/m² = 1.115.212.410 đồng.
- Hỗ trợ bằng tiền đối với trường hợp tự lo nơi ở mới: 43,13 m² x 487.000đồng/m² = 21.004.310 đồng.
- Bồi thường nhà cửa, vật kiến trúc: 128.010.350 đồng.
- Các chính sách hỗ trợ khác: 10.830.000 đồng (ngoài ra, ông T sẽ được thưởng 5.000.000 đồng (nếu chấp hành tốt việc di dời).

Ngày 05/9/2011, ông T có đơn khiếu nại đối với Quyết định số 3775/QĐ-UBND-MGP4 ngày 02/8/2011.

Ngày 30/12/2011, Chủ tịch D1 có Quyết định số 5617/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn T, đã quyết định giữ nguyên Quyết định số 3775/QĐ-UBND-MGP4 ngày 02/8/2011.

Ngày 29/9/2012, Chủ tịch UBND Thành phố có Quyết định số 5008/QĐ-UBND ngày 29/12/2012 về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn T, đã quyết định công nhận Quyết định giải quyết khiếu nại số 5617/QĐ-UBND-TH ngày 30/12/2011 của Chủ tịch UBND quận D1, bác đơn khiếu nại của ông T về yêu cầu bồi thường toàn bộ phần diện tích 127,47 m² theo đơn giá là 25.857.000 đồng/m².

Tuy nhiên, cùng ngày 29/9/2012, UBND Thành phố có văn bản số 4968/UBND-PCNC về giải quyết vụ việc khiếu nại của ông T, Quận D, theo đó đồng ý đề xuất của Thanh tra Thành phố tại Báo cáo số 454/BC-TTTP-P4 ngày 24/7/2012, cụ thể: “...vận dụng khoản 1 Điều 16 Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố D1, để xem xét hỗ trợ 30%

đất ở và 40% đơn giá vật kiến trúc đối với phần diện tích 70,15 m²/127,47 m² cho ông T, theo quy định”.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND Thành phố, ngày 29/01/2013, D1 ban hành Quyết định số 200/QĐ-UBND-MGP4 ngày 29/01/2013 “Về duyệt bổ sung chi phí hỗ trợ về đất và kiến trúc khi thu hồi toàn bộ diện tích đất và di chuyển căn nhà số F đường số I, Phường D, Quận D (thuộc thửa đất số 34, tờ bản đồ số 8) của ông Lê Văn T trong Công trình di dời, tháo dỡ và thu hồi đất để xây dựng Trường M1, Quận D” (viết tắt là Quyết định số 200/QĐ-UBND-MGP4 ngày 29/01/2013) duyệt bổ sung chi phí hỗ trợ về đất và kiến trúc cho ông Lê Văn T với tổng số tiền là 576.125.000 đồng. Tuy nhiên, ông T vẫn không đồng ý kết quả giải quyết của D1 vẫn đề nghị bồi thường 100% đơn giá đất ở với diện tích thực tế là 127,47 m².

Như vậy, đối với trường hợp căn nhà số F đường I của ông T đang sử dụng là có nguồn gốc là ao cá do Phường đội quản lý, được san lấp, lấn chiếm sử dụng trước ngày 15/10/1993; phần đất này đã được quản lý theo Quyết định số 60/QĐ.UB ngày 17/10/1995 của D1. Do vậy, nhà số F đường I không thuộc đối tượng được bồi thường mà chỉ được hỗ trợ 30% đất ở và 40% đơn giá vật kiến trúc đối với phần diện tích 70,15m²/127,47 m², việc UBND Quận 4 ban hành Quyết định số 3775/QĐ-UBND-MGP4 ngày 02/8/2011 và Quyết định số 200/QĐ-UBND-MGP4 ngày 29/01/2013 là thực hiện đúng quy định.

Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông T, bà M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận D1 có người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Ngọc T1 trình bày:

Về việc thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ thiệt hại khi thu hồi đất đã được D1 giải quyết đúng pháp luật.

Ngày 05/9/2011, ông T có đơn khiếu nại đối với Quyết định số 3775/QĐ-UBND-MGP4 ngày 02/8/2011, đến ngày 30/12/2011, Chủ tịch D1 ban hành Quyết định số 5617/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn T, cư trú tại số F đường số I, Phường D, Quận D, với nội dung: “Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 3775/QĐ-UBND-MGP4 ngày 02/8/2011 của Ủy ban nhân dân Quận D1”.

Việc ban hành Quyết định số 5617/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 là đúng pháp luật và đã được Chủ tịch UBND Thành phố công nhận theo Quyết định số 5008/QĐ-UBND ngày 29/12/2012 về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn T.

Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H (vắng mặt), theo tài liệu, chứng cứ đã thu thập và tại phiên tòa Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND Thành phố H là ông Nguyễn Ngọc T1 trình bày:

Nhà, đất tại số F đường số I Phường D, Quận D (số cũ 266/53/3 đường T, Quận D) do ông Lê Văn T đang sử dụng có nguồn gốc là ao cá do Phường đội quản lý. Năm 1987, ông Lê Văn T làm đơn xin đất cất 01 căn nhà để ở và được D1 có văn bản chấp nhận số 102/UBQ4 ngày 18/4/1987 với nội dung chấp thuận cho ông Lê Văn T được xây dựng trên khuôn viên đất $6\text{m} \times 4\text{m} = 24\text{m}^2$, ông T chỉ được cất nhà để ở, không được mua bán, sang nhượng, khi có yêu cầu lợi ích chung, ông T phải nghiêm chỉnh chấp hành theo lệnh giải tỏa của chính quyền địa phương.

Tại thời điểm thu hồi đất để thực hiện dự án nhà, đất nêu trên có tổng diện tích đất $170,6\text{m}^2$, gồm 2 phần:

- Phần 1: Diện tích $43,13\text{ m}^2$ được D1 chấp thuận bố trí cho ông T sử dụng theo Quyết định số 60/QĐ.UB ngày 17/10/1995 của Ủy ban nhân dân Quận D1.

- Phần 2: Diện tích $127,47\text{ m}^2$ ($70,15\text{ m}^2 + 57,32\text{ m}^2$) bị Nhà nước thu hồi theo Quyết định số 60/QĐ.UB ngày 17/10/1995 của D1.

Căn cứ nguồn gốc và quá trình sử dụng và đối chiếu Phương án số 90, D1 đã chiết tính bồi thường cho ông T đối với phần diện tích $43,13\text{m}^2$ theo đơn giá đất ở là $25.857.000\text{ đồng/m}^2$ là đúng theo quy định của Phương án được duyệt. Vì vậy, ông T yêu cầu bồi thường toàn bộ diện tích $127,47\text{m}^2$ theo đơn giá đất ở là $25.857.000\text{ đồng/m}^2$ là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Do đó, Chủ tịch Ủy ban hành Quyết định số 5008/QĐ-UBND ngày 29/9/2012 là phù hợp quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo hướng giữ nguyên Quyết định số 5008/QĐ-UBND ngày 29/9/2012.

- Ông Lê Quang X và bà Trần Ngọc T3 (vắng mặt), theo các tài liệu đã thu thập, đương sự có ý kiến trình bày:

Ông X và bà T3 cùng xác định là tổng diện tích đất 170m^2 và các tài sản nằm trên phần đất do ông T, bà M đang sử dụng và nêu trong hồ sơ khởi kiện là của ông T, bà M; diện tích đất và tài sản trên không có liên quan và tranh chấp gì đến phần đất và tài sản của ông X, bà T3 đang sử dụng.

- Ban C, Quận D (vắng mặt), tại Văn bản số 20/CV-BCH ngày 20/2/2019 “V/v liên quan đến vụ án hành chính số 266/2018/TLST-HC ngày 08/8/2018” Ban chỉ huy Quân sự Phường D, Q đã có ý kiến:

Do sự việc xảy ra trong thời gian quá lâu, hiện không còn tài liệu lưu trữ nên Ban chỉ huy quân sự phường không có tài liệu cung cấp cho Tòa án cũng như không thể nêu ý kiến về vụ kiện này. Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử theo quy định của pháp luật.

- Ủy ban nhân dân Phường D1, Quận D (vắng mặt). Tại văn bản số 109/UBND ngày 24/5/2016 “V/v liên quan đến “Khiếu kiện quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư của ông Lê Văn T và bà Lê Thị M” của D1, Quận D, đã có ý kiến:

Về các văn bản pháp lý có liên quan đến việc ông Lê Văn T, bà Lê Thị M khiếu kiện quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư: đại diện D1 (là người bị kiện) sẽ cung cấp cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định. Do đó, D1, Quận D không có ý kiến gì khác.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1087/2019/HC-ST ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T và bà Lê Thị M.

- Hủy Quyết định số 3775/QĐ-UBND-MGP4 ngày 02/8/2011 “V/v duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi toàn bộ diện tích đất và di chuyển căn nhà số F đường số I, Phường D, Quận D (thuộc thửa đất số 34, tờ bản đồ số 08) của ông Lê Văn T trong Công trình di dời, tháo dỡ và thu hồi đất để xây dựng Trường M1, Quận D” của Ủy ban nhân dân Quận D1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các quyết định hành chính có liên quan sau đây cũng bị hủy:

- Quyết định số 200/QĐ-UBND-MGP4 ngày 29/01/2013 “Về duyệt bổ sung chi phí hỗ trợ về đất và kiến trúc khi thu hồi toàn bộ diện tích đất và di chuyển căn nhà số F đường số I, Phường D, Quận D (thuộc thửa đất số 34, tờ bản đồ số 8) của ông Lê Văn T trong Công trình di dời, tháo dỡ và thu hồi đất để xây dựng Trường M1, Quận D” của Ủy ban nhân dân Quận D1, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Quyết định số 906/QĐ-UBND-MGP4 ngày 26/4/2014 “V/v bổ sung căn cứ pháp lý của Quyết định số 3775/QĐ-UBND-MGP4 ngày 02/8/2011 “Về duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và Quyết định số 200/QĐ-UBND-MGP4 ngày 29/01/2013 của Ủy ban nhân dân Quận D1 về duyệt bổ sung chi phí hỗ trợ về đất và kiến trúc khi thu hồi toàn bộ diện tích đất và di chuyển căn nhà số F đường số I, Phường D, Quận D (thuộc thửa đất số 34, tờ bản đồ số 8) của ông Lê Văn T trong Công trình di dời, tháo dỡ và thu hồi đất để xây dựng T4 Mẫu giáo Phường 4” của Ủy ban nhân dân Quận D1, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Quyết định số 5617/QĐ-U ngày 30/12/2011 “Về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn T, cư trú tại số F đường số I, Phường D, Quận D” của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận D1, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Quyết định số 5008/QĐ-UBND ngày 29/9/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân T “Về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn T”.

Ủy ban nhân dân Quận D1, Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm tiến hành lại việc bồi thường, hỗ trợ tài sản cho ông T, bà M theo đúng quy định pháp luật.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu hủy quyết định tại khoản 4 Điều 5 của Phương án đền bù số 90/PA-UBND ngày 01/10/2010 của Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh của ông T, bà M.

3. Bác yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 1174/QĐ-U ngày 17/9/2009 “Về việc thu hồi đất thuộc thửa số 34-tờ bản đồ số 8 và di chuyển căn nhà số F đường số I Phường D Quận D để thực hiện công trình di dời, tháo dỡ và thu hồi đất để xây dựng Trường M1, Quận D” của Ủy ban nhân dân Quận D1, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Ủy ban nhân dân Quận D1, Thành phố Hồ Chí Minh phải chịu số tiền án phí hành chính sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

Ông T, bà M được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) theo Biên lai số AB/2010/05680 ngày 01/10/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện ông Võ Thanh D trình bày: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, bà M như bản án Giám đốc thẩm đã nhận định.

Bà Lê Thị M trình bày: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, đảm bảo quyền và lợi ích cho người dân.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Luật tố tụng hành chính năm 2015; các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: phần đất ông T bà M bị thu hồi đã có Quyết định quản lý đất số 60/QĐ.UB của Ủy ban nhân dân quận D1 và ông T thừa nhận phần đất này không thuộc quyền sử dụng của ông nên nay Ủy ban ban hành quyết định thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ về đất theo Giấy phép đã cấp cho ông T, bồi thường, hỗ trợ công trình, cây trồng trên đất là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ủy ban nhân dân quận D1, sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T, bà M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận D1 trong hạn luật định và hợp lệ theo Điều 206 luật tổ tụng hành chính 2015 nên được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo trình tự xét xử phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chủ tịch UBND Thành phố, Ban chỉ huy Quân sự Phường D, Quận D, Ủy ban nhân dân Phường D1, Quận D và ông Lê Quang X, bà Trần Ngọc T3 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ Điều 225 Luật tổ tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Xét kháng cáo của người bị kiện

[2.1] Về nguồn gốc nhà đất số F, đường số I Phường D Quận D (số cũ 266/53/3 T, Phường D, Quận D) của ông T, bà M, hồ sơ vụ án thể hiện:

Diện tích 170,6m² đất của gia đình ông T yêu cầu được bồi thường có nguồn gốc là ao cá của Phường D (thuộc mặt bằng số 266/53/3 T, Phường D, Quận D). Năm 1987, ông T làm đơn xin đất cất 01 căn nhà để ở và được Ủy ban nhân dân Quận D1 có Văn bản số 102/UBQ4 ngày 16/4/1987 cho phép ông T được cất nhà bằng vật liệu nhẹ (đến ngày 20/02/1995 ông T mới được Ủy ban nhân dân Quận D1 cấp Giấy phép xây dựng cho phép xây nhà trên đất có diện tích 6x4 = 24m²), phần diện tích còn lại là do gia đình ông T lấn chiếm. Năm 1993, ông T cho ông X 53,96m² trong số diện tích ông T lấn chiếm để làm nhà ở.

[2.2] Ngày 17/10/1995, Ủy ban nhân dân Quận D1 ban hành Quyết định số 60/QĐ.UB về việc quản lý phần đất thuộc mặt bằng số 266/53/3 T, Phường D, Quận D có nội dung: đối với mảnh đất mang số 266/53/3 T, Phường D, Quận D có tổng diện tích 357,55m² nay xử lý như sau: thu hồi, quản lý phần đất có diện tích 164,94m², vị trí nằm sau nhà ông Lê Văn T; quản lý phần đất có diện tích 25,37m², vị trí nằm trước và bên hông nhà ông Lê Văn T; quản lý phần đất có diện tích 70,15m² với kiến trúc xây dựng trên mảnh đất này, tạm thời duy trì sử dụng: khi có yêu cầu giải tỏa của cơ quan có thẩm quyền, ông Lê Văn T phải tháo dỡ vô điều kiện; quản lý phần đất có diện tích 53,96m², với kiến trúc xây dựng trên mảnh đất này tạm thời duy trì sử dụng; khi có yêu cầu giải tỏa của cơ quan có thẩm quyền, ông Lê Quang X phải tháo dỡ vô điều kiện; thuận bố trí cho ông Lê Văn T được sử dụng 43,13m² đất dùng để ở (trong đó có 24m² đã có giấy phép của Ủy ban nhân dân Quận D1). Như vậy, ông T chỉ được giao diện tích 43,13m², phần diện tích 127,47m² còn lại Nhà nước quản lý và tạm giao cho ông T, ông X sử dụng các công trình xây dựng trên diện tích đất này và khi Nhà nước thu hồi thì các ông phải tháo dỡ vô điều kiện.

[2.3] Tại Biên bản làm việc ngày 29/3/1996 về việc thực hiện Quyết định số 60/QĐ.UB ngày 17/10/1995 giữa Ủy ban nhân dân Phường D1 với ông T và ông X, ông T trình bày: “Về diện tích ao phía sau nhà không thuộc của hộ lấn chiếm mà thuộc của Q và Phường quản lý, chủ hộ không quản lý phần đất này.”

[2.4] Ngày 08/5/1996, Ủy ban nhân dân Quận D1 ban hành Quyết định số 34/QĐ-UB về việc giao cho Ủy ban nhân dân Phường D1, Quận D tạm thời quản lý sử dụng phần đất do Quận D đã quản lý thuộc mặt bằng số 266/53/3 T, trong

thời gian chờ Quận có quyết định sử dụng phù hợp với quy hoạch của khu vực này. Ngày 14/5/1996, Đội Quản lý nhà Q2 đã có Biên bản bàn giao phần đất nêu trên cho Ủy ban nhân dân Phường D1, Quận D, T5 phố Hồ Chí Minh.

[2.5] Do đó, có đủ cơ sở xác định diện tích 127,47m² đất của gia đình ông T, bà M có nguồn gốc do lấn chiếm và Nhà nước đã quản lý từ năm 1996 nên không đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 50 Luật đất đai năm 2003; điểm d khoản 4 Điều 14 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ. Do đó, khi Nhà nước thu hồi đất, gia đình ông T không được bồi thường về đất và tài sản trên đất theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 43 Luật Đất đai năm 2003, mà chỉ được hỗ trợ bằng 30% đơn giá đất ở và được hỗ trợ đối với nhà ở, công trình sinh hoạt xây dựng trên đất trước ngày 22/4/2002 bằng 40% đơn giá xây dựng theo quy định tại khoản 1 Điều 16, điểm c khoản 2 Điều 26 Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của Ủy ban nhân dân T ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đối với phần diện tích 70,15m² là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần diện tích đất 127,47m² mà Nhà nước thu hồi của gia đình ông T, bà M đã được gia đình ông T, bà M sử dụng đất từ trước ngày 15/10/1993, việc sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp, không vi phạm quy định pháp luật nên đủ điều kiện để được bồi thường về đất khi thu hồi theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ, từ đó tuyên hủy các Quyết định số 200/QĐ-UBND-MGP4 ngày 29/01/2013, Quyết định số 906/QĐ-UBND-MGP4 ngày 26/4/2014 của Ủy ban nhân dân Quận D1, Quyết định số 5617/QĐ-UBND-TH ngày 30/12/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận D1 và Quyết định số 5008/QĐ-UBND ngày 29/9/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H là không có căn cứ.

[4] Đối với các Quyết định số 200/QĐ-UBND-MGP4 ngày 29/01/2013; Quyết định số 906/QĐ-UBND-MGP4 ngày 26/4/2014 của Ủy ban nhân dân Quận D1, Quyết định số 5617/QĐ-UBND-TH ngày 30/12/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận D1 và Quyết định số 5008/QĐ-UBND ngày 29/9/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H, các quyết định này là quyết định sửa đổi bổ sung, quyết định giải quyết khiếu nại là quyết định có liên quan đến đối tượng khởi kiện nhưng không bị khởi kiện; và nay xác định các quyết định ông T, bà M khởi kiện được ban hành đúng pháp luật, các quyết định giải quyết khiếu nại có nội dung giữ nguyên các quyết định này là phù hợp nên cần phải hủy một phần bản án sơ thẩm đối với phần nội dung hủy Quyết định số 200/QĐ-UBND-MGP4; Quyết định số 906/QĐ-UBND-MGP4 ngày 26/4/2014; Quyết định số 5617/QĐ-U ngày 30/12/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận D1 và Quyết định số 5008/QĐ-UBND ngày 29/9/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của Ủy ban nhân dân Quận D1, sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T, bà M.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là phù hợp quan điểm Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí

[7.1] Án phí hành chính sơ thẩm: do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông T, bà M phải chịu án phí theo quy định. 200.000 đồng; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án số AB/2010/05680 ngày 01/10/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

[7.2] Án phí hành chính phúc thẩm: do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên Ủy ban nhân dân Quận D1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ

- Khoản 1, khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính 2015;
- Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;
- Luật đất đai 1993;
- Luật đất đai 2003;
- Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của UBND Thành phố H.
- Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 qui định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự thủ tục bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;
- Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận D1; sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 1087/2019/HC-ST ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

1.1 Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T và bà Lê Thị M về việc:

- Hủy Quyết định số 3775/QĐ-UBND-MGP4 ngày 02/8/2011 “V/v duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi toàn bộ diện tích đất và di chuyển

căn nhà số F đường số I, Phường D, Quận D (thuộc thửa đất số 34, tờ bản đồ số 08) của ông Lê Văn T trong Công trình di dời, tháo dỡ và thu hồi đất để xây dựng Trường M1, Quận D” của Ủy ban nhân dân Quận D1, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2 Hủy một phần bản án sơ thẩm đối với nội dung hủy các quyết định hành chính có liên quan, cụ thể:

- Quyết định số 200/QĐ-UBND-MGP4 ngày 29/01/2013 “Về duyệt bổ sung chi phí hỗ trợ về đất và kiến trúc khi thu hồi toàn bộ diện tích đất và di chuyển căn nhà số F đường số I, Phường D, Quận D (thuộc thửa đất số 34, tờ bản đồ số 8) của ông Lê Văn T trong Công trình di dời, tháo dỡ và thu hồi đất để xây dựng Trường M1, Quận D” của Ủy ban nhân dân Quận D1, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Quyết định số 906/QĐ-UBND-MGP4 ngày 26/4/2014 “V/v bổ sung căn cứ pháp lý của Quyết định số 3775/QĐ-UBND-MGP4 ngày 02/8/2011 “Về duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và Quyết định số 200/QĐ-UBND-MGP4 ngày 29/01/2013 của Ủy ban nhân dân Quận D1 về duyệt bổ sung chi phí hỗ trợ về đất và kiến trúc khi thu hồi toàn bộ diện tích đất và di chuyển căn nhà số F đường số I, Phường D, Quận D (thuộc thửa đất số 34, tờ bản đồ số 8) của ông Lê Văn T trong Công trình di dời, tháo dỡ và thu hồi đất để xây dựng T4 Mẫu giáo Phường 4” của Ủy ban nhân dân Quận D1, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Quyết định số 5617/QĐ-U ngày 30/12/2011 “Về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn T, cư trú tại số F đường số I, Phường D, Quận D” của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận D1, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Quyết định số 5008/QĐ-UBND ngày 29/9/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân T “Về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn T” và Ủy ban nhân dân Quận D1, Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm tiến hành lại việc bồi thường, hỗ trợ tài sản cho ông T, bà M theo đúng quy định pháp luật.

1.3 Giữ nguyên phần nội dung của bản án sơ thẩm:

- Bác yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 1174/QĐ-U ngày 17/9/2009 “V/v thu hồi đất thuộc thửa số 34-tờ bản đồ số 8 và di chuyển căn nhà số F đường số I Phường D Quận D để thực hiện công trình di dời, tháo dỡ và thu hồi đất để xây dựng Trường M1, Quận D” của Ủy ban nhân dân Quận D1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu hủy quyết định tại khoản 4 Điều 5 của Phương án đền bù số 90/PA-UBND ngày 01/10/2010 của Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh của ông T, bà M.

2. Về án phí

2.1 Án phí hành chính sơ thẩm: do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông T, bà M phải chịu 200.000 đồng; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AB/2010/05680 ngày 01/10/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2 Án phí hành chính phúc thẩm: do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên Ủy ban nhân dân Quận D1 không phải chịu; hoàn lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0024764 ngày 21/10/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thụy Vũ

Lê Văn An

Nguyễn Thị Cúc